

TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 - 2024
V/v: “ Tranh chấp ly hôn”

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm Nh dân:

- Bà Dương Thị Sáu
- Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án Nh dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nh dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn Nh gia đình thụ lý số 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị VN, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp 5, xã A huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần V Ng, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 5, xã A huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/05/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị VN trình bày:

Bà và ông Ng quen biết nhau trên cơ sở tự tìm hiểu và tiến tới xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2005, ông bà có tổ chức đám cưới, thực hiện đăng ký kết hôn và được Ủy ban Nh dân xã A, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/02/2005. Bà cho rằng cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên Nh là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Đến nay, tình trạng hôn Nh ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn Nh, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần V Ng Về con chung, bà xác định vợ chồng có 02

con chung tên Trần Phúc H, sinh năm 2002 (đã mất) và Trần Ngọc N, sinh ngày 28/12/2014. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên N và không yêu cầu ông Ng phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bảng tự khai và Đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt cùng ngày 13/5/2024, bị đơn ông Trần V Ng trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nh về thời gian và quá trình quen biết, kết hôn cũng như mâu thuẫn gia đình. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, khả năng hàn gắn là không có nên trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nh thì ông cũng đồng ý. Về con chung, ông bà có hai con chung gồm Trần Phúc H, sinh năm 2002 (đã mất) và Trần Ngọc Nh, sinh ngày 28/12/2014. Sau khi ly hôn, ông cũng đồng ý để bà Nh trực tiếp nuôi con chung tên Nh, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung thì ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, do bận đi làm nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm nhưng không hòa giải được do ông Ng vắng mặt. Tại phiên hòa giải, bà Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án không tiếp tục hòa giải, ông Ng vắng mặt và sau đó cung cấp bản trình bày ý kiến mà không trực tiếp tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Nh và ông Ng vắng mặt và cùng có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng

[1.1] Bà Đỗ Thị VN khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần V Ng, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án Nh dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Bà Đỗ Thị VN có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần V Ng, xác định bà Nh là nguyên đơn, ông Ng là bị đơn.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn bà Đỗ Thị VN và bị đơn ông Trần V Ng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày, ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ mà các đương sự cung cấp có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị VN về quan hệ hôn Nh

Bà Nh và ông Ng quen biết nhau trên cơ sở tự tìm hiểu và tiến tới xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban Nh dân xã A, huyện B, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2005, Quyền số 01 ngày 21 tháng 02

năm 2005. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn Nh giữa ông bà là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký nên được pháp luật công nhận.

Bà Nh trình bày, cuộc sống chung vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, dù vẫn gặp mặt nhưng tình cảm không còn. Đến nay, mâu thuẫn đã kéo dài nhưng vẫn không khắc phục được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Ng . Về phía ông Ng , tuy không trực tiếp tham gia tố tụng Thống nhất lời trình bày của bà Nh về mâu thuẫn gia đình nên trước yêu cầu ly hôn của bà Nh thì ông Ng cũng đồng ý. Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nh và ông Ng đã thật sự trầm trọng, không ai còn thiết tha hàn gắn quan hệ vợ chồng, cả hai đều không có sự yêu thương, tôn trọng nhau, đã vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng được pháp luật hôn Nh và gia đình quy định. Từ đó, dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn Nh không đạt được. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh đối với ông Ng là phù hợp.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Nh và ông Ng thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung gồm Trần Phúc Hậu, sinh năm 2002 (đã mất năm 2022 theo Trích lục khai tử của Ủy ban Nh dân xã A, huyện B , tỉnh Long An) và Trần Ngọc Nh Y , sinh ngày 28/12/2014. Sau khi ly hôn, bà Nh yêu cầu nuôi con chung tên Nh Y và ông Ng cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung tên Trần Ngọc Nh Y cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Ng .

[2.4] Về tài sản chung: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nh phải chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn Nh theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; hoàn lại cho bà Nh tạm ứng án phí còn thừa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, Điều 84 Luật Hôn Nh và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị VN đối với ông Trần V Ng.

1.1 Về quan hệ hôn Nh : Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị VN và ông Trần V Ng.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Nh, sinh ngày 28/12/2014 cho bà Đỗ Thị VN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Trần V Ng không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Toà án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị VN phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn Nh gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà Nh đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007331 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An; hoàn lại cho bà Đỗ Thị VN 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí còn thừa.

3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Ủy ban Nh dân xã A, huyện B ,
tỉnh Long An
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy

